

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2023

DỰ KIẾN THỜI KHÓA BIỂU

Kỳ 1 năm học 2023-2024 Hệ Chính quy

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú
1		1060045	Bổ cục chất liệu Khắc gỗ	FAE2008	2	126											
1.1	01	1060045	FAE2008-2023.01			14	Nguyễn Thị May	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					16/10/2023	10/12/2023	K8HH
2.2	02	1060045	FAE2008-2023.02			14	Nguyễn Quang Huy	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					16/10/2023	10/12/2023	
3.3	03	1060045	FAE2008-2023.03			14	Lưu Thị Hồng Diễm	1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC					16/10/2023	10/12/2023	
4.4	04	1060045	FAE2008-2023.04			14	Nguyễn Thị May	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					16/10/2023	10/12/2023	
5.5	05	1060045	FAE2008-2023.05			14	Nguyễn Quang Huy	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					16/10/2023	10/12/2023	
6.6	06	1060045	FAE2008-2023.06			14	Nguyễn Tuấn Cường				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		16/10/2023	10/12/2023	
7.7	07	1060045	FAE2008-2023.07			14	Nguyễn Thị May				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		16/10/2023	10/12/2023	
8.8	08	1060045	FAE2008-2023.08			14	Nguyễn Quang Huy				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		16/10/2023	10/12/2023	
9.9	09	1060045	FAE2008-2023.09			14	Nguyễn Tuấn Cường				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		16/10/2023	10/12/2023	
2		1060043	Bổ cục chất liệu Sơn dầu 1	FAE2006	2	126											
10.1	01	1060043	FAE2006-2023.01			14	Vũ Thị Kim Vân	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					14/08/2023	08/10/2023	K8HH
11.2	02	1060043	FAE2006-2023.02			14	Nguyễn Thị Hà Hoa	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					14/08/2023	08/10/2023	
12.3	03	1060043	FAE2006-2023.03			14	Tạ Đình Thi	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					14/08/2023	08/10/2023	
13.4	04	1060043	FAE2006-2023.04			14	Chu Hoàng Trung	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					14/08/2023	08/10/2023	
14.5	05	1060043	FAE2006-2023.05			14	Nguyễn Thị Trang Ngà	7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC					14/08/2023	08/10/2023	
15.6	06	1060043	FAE2006-2023.06			14	Nguyễn Thị Hà Hoa				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		14/08/2023	08/10/2023	
16.7	07	1060043	FAE2006-2023.07			14	Chu Hoàng Trung				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		14/08/2023	08/10/2023	
17.8	08	1060043	FAE2006-2023.08			14	Lưu Thị Hồng Diễm				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		14/08/2023	08/10/2023	
18.9	09	1060043	FAE2006-2023.09			14	Nguyễn Thị Huyền				1-5, BC	1-5, BC	1-5, BC		14/08/2023	08/10/2023	
3		1080045	Các ngành công nghiệp văn hóa	CLM2046	2	70											
19.1	01	1080045	CLM2046-2023.01			70	Đào Thị Thủy Tiên					1-3, E502			14/08/2023	19/11/2023	K15QLVH
4		1020024	Cơ sở thiết kế trang phục	FAD2015	2	84											
20.1	01	1020024	FAD2015-2023.01			14	Lưu Ngọc Lan		7-10, E						21/08/2023	29/10/2023	
21.2	02	1020024	FAD2015-2023.02			14	Nguyễn Huyền Trang		7-10, E						21/08/2023	29/10/2023	
22.3	03	1020024	FAD2015-2023.03			14	Vũ Mai Hiền		7-10, E						21/08/2023	29/10/2023	
23.4	04	1020024	FAD2015-2023.04			14	Nguyễn Kiều Oanh			7-10, E					21/08/2023	29/10/2023	
24.5	05	1020024	FAD2015-2023.05			14	Vũ Mai Hiền			7-10, E					21/08/2023	29/10/2023	
25.6	06	1020024	FAD2015-2023.06			14	Lưu Ngọc Lan			7-10, E					21/08/2023	29/10/2023	
5		1200023	Công nghệ may 3	DGI2023	2	10											
26.1	01	1200023	DGI2023-2023.01			10	Nguyễn Bích Nhung				7-10, C				21/08/2023	15/10/2023	
6		1080233	Công tác xã hội nhóm	CLM2212	3	15											
27.1	01	1080233	CLM2212-2023.01			15	Lương Thị Đào	1-3, E502							14/08/2023	26/11/2023	K2CTXH
7		1080237	Công tác xã hội trong trường học	CLM2216	3	15											
28.1	01	1080237	CLM2216-2023.01			15	Nguyễn Hương Giang				4-6, E503				14/08/2023	26/11/2023	K2CTXH
8		1080261	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	CLM2240	2	15											
29.1	01	1080261	CLM2240-2023.01			15	Nguyễn Quốc Vượng	4-6, E502							14/08/2023	26/11/2023	K2CTXH
9		1190065	Đệm thanh nhạc 3.1 (M)	PIA2009	1												
30.1	01	1190065	PIA2009-2023.01			0	Hồ Thị Ngọc Hà				7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	
31.2	02	1190065	PIA2009-2023.02			0	Lê Hải Thuận		7-11, D						14/08/2023	19/11/2023	
32.3	03	1190065	PIA2009-2023.03			0	Lương Ngọc Bích			7-11, D					14/08/2023	19/11/2023	
33.4	04	1190065	PIA2009-2023.04			0	Bùi Duy Anh	1-5, D							14/08/2023	19/11/2023	

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú
34.5	05	1190065	PIA2009-2023.05			0	Lương Đức Giang		7-11, D						14/08/2023	19/11/2023	
35.6	06	1190065	PIA2009-2023.06			0	Lương Đức Giang				1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	
10		1080182	Điểm tuyển du lịch	CLM2106	3	60											
36.1	01	1080182	CLM2106-2023.01			60	Lê Thị Thùy				7-9, E503				14/08/2023	26/11/2023	K2DL
11		1020050	Diễn họa thời trang 2	DGI2057	2	10											
37.1	01	1020050	DGI2057-2023.01			10	Vũ Thanh Nghị	7-10, C	7-10, C						21/08/2023	29/10/2023	
12		1020033	Đồ họa thời trang 2	FAD2032	3	84											
38.1	01	1020033	FAD2032-2023.01			14	Nguyễn Hải Hà			1-4, E					21/08/2023	29/10/2023	
39.2	02	1020033	FAD2032-2023.02			14	Nguyễn Hoàng Tùng			1-4, E					21/08/2023	29/10/2023	
40.3	03	1020033	FAD2032-2023.03			14	Bùi Thị Nam			1-4, E					21/08/2023	29/10/2023	
41.4	04	1020033	FAD2032-2023.04			14	Hoàng Thắng		1-4, E						21/08/2023	29/10/2023	
42.5	05	1020033	FAD2032-2023.05			14	Nguyễn Hải Hà		1-4, E						21/08/2023	29/10/2023	
43.6	06	1020033	FAD2032-2023.06			14	Bùi Thị Nam		1-4, E						21/08/2023	29/10/2023	
13		1080012	Đường lối VHVN của ĐCS Việt Nam	CLM2010	2	150											
44.1	01	1080012	CLM2010-2023.01			50	Nguyễn Thị Thanh Loan						7-9, E502		14/08/2023	22/10/2023	
45.2	02	1080012	CLM2010-2023.02			50	Vũ Thị Thái Hoa	7-9, E501							14/08/2023	22/10/2023	
46.3	03	1080012	CLM2010-2023.03			50	Vũ Thị Thái Hoa		7-9, E501						14/08/2023	22/10/2023	
14		1060035	Hình họa 5	FAE2001	2	126											
47.1	01	1060035	FAE2001-2023.01			14	Nguyễn Thị Giang				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		14/08/2023	08/10/2023	
48.2	02	1060035	FAE2001-2023.02			14	Nguyễn Thị Giang				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		14/08/2023	08/10/2023	
49.3	03	1060035	FAE2001-2023.03			14	Nguyễn Huy Trung				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		14/08/2023	08/10/2023	
50.4	04	1060035	FAE2001-2023.04			14	Hoàng Đức Dũng				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		14/08/2023	08/10/2023	
51.5	05	1060035	FAE2001-2023.05			14	Hoàng Đức Dũng				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		14/08/2023	08/10/2023	
52.6	06	1060035	FAE2001-2023.06			14	Lê Thị Kim Liên				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		14/08/2023	08/10/2023	
53.7	07	1060035	FAE2001-2023.07			14	Nguyễn Hoàng Tùng				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		14/08/2023	08/10/2023	
54.8	08	1060035	FAE2001-2023.08			14	Nguyễn Hoàng Tùng				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		14/08/2023	08/10/2023	
55.9	09	1060035	FAE2001-2023.09			14	Nguyễn Thị May				7-11, BC	7-11, BC	7-11, BC		14/08/2023	08/10/2023	K8HH
15		1020026	Hình họa chuyên ngành 1	FAD2020	2	98											
56.1	01	1020026	FAD2020-2023.01			14	Nguyễn Minh Thùy	7-8, A:11-12, A	7-8, A:11-12, A						28/08/2023	10/12/2023	
57.2	02	1020026	FAD2020-2023.02			14	Ngô Văn Sơn	7-8, A:11-12, A	7-8, A:11-12, A						28/08/2023	10/12/2023	
58.3	03	1020026	FAD2020-2023.03			14	Phạm Việt Minh Trí	7-8, A:11-12, A	7-8, A:11-12, A						28/08/2023	10/12/2023	
59.4	04	1020026	FAD2020-2023.04			14	Lê Mai Trinh	7-8, A:11-12, A	7-8, A:11-12, A						28/08/2023	10/12/2023	
60.5	05	1020026	FAD2020-2023.05			14	Trương Tuấn Anh				7-8, A:11-12, A	7-8, A:11-12, A			28/08/2023	10/12/2023	
61.6	06	1020026	FAD2020-2023.06			14	Phạm Việt Minh Trí				7-8, A:11-12, A	7-8, A:11-12, A			28/08/2023	10/12/2023	
62.7	07	1020026	FAD2020-2023.07			14	Ngô Văn Sơn				7-8, A:11-12, A	7-8, A:11-12, A			28/08/2023	10/12/2023	
16		1170013	Hình họa chuyên ngành 1	GRD2008	4	126											
63.1	01	1170013	GRD2008-2023.01			14	Nguyễn Xuân Tám	7-10, A	7-10, A	7-10, A					14/08/2023	26/11/2023	
64.2	02	1170013	GRD2008-2023.02			14	Nguyễn Hữu Dũng	7-10, A	7-10, A	7-10, A					14/08/2023	26/11/2023	
65.3	03	1170013	GRD2008-2023.03			14	Ng.Duy Quốc Tuấn	7-10, A	7-10, A	7-10, A					14/08/2023	26/11/2023	
66.4	04	1170013	GRD2008-2023.04			14	Nguyễn Thị Mỹ	7-10, C	7-10, C	7-10, C					14/08/2023	26/11/2023	
67.5	05	1170013	GRD2008-2023.05			14	Nguyễn Hồng Sơn	7-10, C	7-10, C	7-10, C					14/08/2023	26/11/2023	
68.6	06	1170013	GRD2008-2023.06			14	Ng.Duy Quốc Tuấn				7-10, A	7-10, A	7-10, A		14/08/2023	26/11/2023	
69.7	07	1170013	GRD2008-2023.07			14	Nguyễn Hữu Dũng				7-10, A	7-10, A	7-10, A		14/08/2023	26/11/2023	
70.8	08	1170013	GRD2008-2023.08			14	Lê Đức Tùng				7-10, A	7-10, A	7-10, A		14/08/2023	26/11/2023	
71.9	09	1170013	GRD2008-2023.09			14	Vũ Xuân Hiền				7-10, A	7-10, A	7-10, A		14/08/2023	26/11/2023	
17		1070097	Hòa tấu	MUS2063	2	240											
72.1	01	1070097	MUS2063-2023.01			15	Đặng Thái Sơn	1-3, C207									
73.2	02	1070097	MUS2063-2023.02			15	Đặng Thái Sơn	4-6, C207									

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú
74.3	03	1070097	MUS2063-2023.03			15	Vũ Thanh Xuân	7-9, C207									
75.4	04	1070097	MUS2063-2023.04			15	Vũ Thanh Xuân	10-12, C207									
76.5	05	1070097	MUS2063-2023.05			15	Đào văn Kiên		7-9, C205								
77.6	06	1070097	MUS2063-2023.06			15	Đào văn Kiên		10-12, C205								
78.7	07	1070097	MUS2063-2023.07			15	Phạm Hồng Phương			1-3, C206							
79.8	08	1070097	MUS2063-2023.08			15	Phạm Hồng Phương			4-6, C206							
80.9	09	1070097	MUS2063-2023.09			15	Phạm Hồng Phương			7-9, C206							
81.10	10	1070097	MUS2063-2023.10			15	Phạm Hồng Phương			10-12, C206							
82.11	11	1070097	MUS2063-2023.11			15	Đặng Thái Sơn				7-9, C207						
83.12	12	1070097	MUS2063-2023.12			15	Đặng Thái Sơn				10-12, C207						
84.13	13	1070097	MUS2063-2023.13			15	Trần Quốc Thùy					1-3, C205					
85.14	14	1070097	MUS2063-2023.14			15	Trần Quốc Thùy					4-6, C205					
86.15	15	1070097	MUS2063-2023.15			15	Nguyễn Nguyệt Cẩm						7-9, D102				
87.16	16	1070097	MUS2063-2023.16			15	Nguyễn Nguyệt Cẩm						10-12, D102				
18		1190069	Hòa tấu 3.1 (M)	PIA2013	1												
88.1	01	1190069	PIA2013-2023.01			0	Lê Nam		1-5, D						14/08/2023	19/11/2023	
89.2	02	1190069	PIA2013-2023.02			0	Nghiêm Thị Hà Ngân		7-11, D						14/08/2023	19/11/2023	
90.3	03	1190069	PIA2013-2023.03			0	Đoàn Lê Phan Anh	1-5, D							14/08/2023	19/11/2023	
91.4	04	1190069	PIA2013-2023.04			0									14/08/2023	19/11/2023	
92.5	05	1190069	PIA2013-2023.05			0	Nguyễn Hương Giang		7-11, D						14/08/2023	19/11/2023	
93.6	06	1190069	PIA2013-2023.06			0	Nguyễn Thị Hiền Anh	1-5, D							14/08/2023	19/11/2023	
94.7	07	1190069	PIA2013-2023.07			0	Nguyễn Kiều Anh					7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
19		1070063	Keyboard/Guitar 3A	MUS2087*	0												
95.1	01	1070063	MUS2087*-2023.01			0	Nguyễn Thị Thu Hương	1-5, C208									
96.2	02	1070063	MUS2087*-2023.02			0	Hà Tân Mùi	1-5, D107									
97.3	03	1070063	MUS2087*-2023.03			0	Phạm Huy Hùng		7-11, C209								
98.4	04	1070063	MUS2087*-2023.04			0	Phùng Thị Lan Hương				7-11, C208						
99.5	05	1070063	MUS2087*-2023.05			0	Đoàn Anh Vũ				7-11, D101						
100.6	07	1070063	MUS2087*-2023.07			0	Đặng Thái Sơn		7-11, D102								
101.7	08	1070063	MUS2087*-2023.08			0	Bá Sắn				7-11, D108						
102.8	09	1070063	MUS2087*-2023.09			0	Trần Quốc Thùy				7-11, D107						
103.9	10	1070063	MUS2087*-2023.10			0	Dương Vũ Bình Minh				7-11, D103						
104.10	11	1070063	MUS2087*-2023.11			0	Đào văn Kiên	1-5, C205									
105.11	12	1070063	MUS2087*-2023.12			0	Nguyễn Quang Tùng		7-11, C208 gt								
106.12	13	1070063	MUS2087*-2023.13			0	Trần Quốc Thùy		7-11, D103								
107.13	15	1070063	MUS2087*-2023.15			0	Vũ Ngọc Sơn				7-11, D102						
108.14	17	1070063	MUS2087*-2023.17			0	Lê Quốc Vương	1-5, C209									
109.15	19	1070063	MUS2087*-2023.19			0	Bùi Thị Diệu Minh		7-11, D101								
110.16	20	1070063	MUS2087*-2023.20			0	Phạm Hồng Phương	1-5, D103 GT									
111.17	22	1070063	MUS2087*-2023.22			0	Nguyễn Phương Ngọc		7-11, C210								
112.18	23	1070063	MUS2087*-2023.23			0	Trần Bích Thủy	1-5, C210									
113.19	25	1070063	MUS2087*-2023.25			0	Dương Vũ Bình Minh	1-5, D102									
114.20	26	1070063	MUS2087*-2023.26			0	Vũ Thanh Xuân				7-11, C210						
115.21	27	1070063	MUS2087*-2023.27			0	Trần Bích Thủy				7-11, C209						
116.22	28	1070063	MUS2087*-2023.28			0	Bùi Thị Diệu Minh	1-5, D101									
117.23	29	1070063	MUS2087*-2023.29			0	Lương Diệu Ánh		7-11, D108								
118.24	30	1070063	MUS2087*-2023.30			0	Ngô Thị Việt Anh	1-5, D108									
119.25	31	1070063	MUS2087*-2023.31			0											

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú
120.26	32	1070063	MUS2087*-2023.32			0											
20		1080100	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 5	CLM2066	3	60											
121.1	01	1080100	CLM2066-2023.01			30	Kiều Minh Hiếu						1-4, NA401		14/08/2023	22/10/2023	K7DVK
122.2	02	1080100	CLM2066-2023.02			30	Kiều Minh Hiếu						7-10, NA401		14/08/2023	22/10/2023	K7DVK
21		1080120	Kỹ thuật điện ảnh	CLM2082	2	60											
123.1	01	1080120	CLM2082-2023.01			60			7-10, E503						14/08/2023	22/10/2023	K7DVK
22		1200021	Kỹ thuật tạo chất liệu vải	DGI2021	2	10											
124.1	01	1200021	DGI2021-2023.01			10	Lê Nguyễn Kiều Trang		1-4, C						21/08/2023	29/10/2023	
23		1140041	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POL2013	2	675											
125.1	01	1140041	POL2013-2023.01			45	Phạm Ngọc Anh					1-3, E101			14/08/2023	05/11/2023	12T
126.2	02	1140041	POL2013-2023.02			45	Mai Thanh Hồng	1-3, E301							14/08/2023	05/11/2023	12T
127.3	03	1140041	POL2013-2023.03			45	Mai Thanh Hồng	4-6, E301							14/08/2023	05/11/2023	12T
128.4	04	1140041	POL2013-2023.04			45	Mai Thanh Hồng		1-3, E301						14/08/2023	05/11/2023	12T
129.5	05	1140041	POL2013-2023.05			45	Mai Thanh Hồng		4-6, E301						14/08/2023	05/11/2023	12T
130.6	06	1140041	POL2013-2023.06			45	Mai Thanh Hồng			7-9, E506					14/08/2023	05/11/2023	12T
131.7	07	1140041	POL2013-2023.07			45	Mai Thanh Hồng			10-12, E506					14/08/2023	05/11/2023	12T
132.8	08	1140041	POL2013-2023.08			45	Mai Thanh Hồng				1-3, E301				14/08/2023	05/11/2023	12T
133.9	09	1140041	POL2013-2023.09			45	Mai Thanh Hồng				4-6, E301				14/08/2023	05/11/2023	12T
134.10	10	1140041	POL2013-2023.10			45	Phạm Xuân Thu						1-3, E501		14/08/2023	05/11/2023	12T
135.11	11	1140041	POL2013-2023.11			45	Phạm Xuân Thu						4-6, E501		14/08/2023	05/11/2023	12T
136.12	12	1140041	POL2013-2023.12			45	Phạm Xuân Thu						7-9, E101		14/08/2023	05/11/2023	12T
137.13	13	1140041	POL2013-2023.13			45	Phạm Xuân Thu					1-3, E301			14/08/2023	05/11/2023	12T
138.14	14	1140041	POL2013-2023.14			45	Phạm Xuân Thu					4-6, E301			14/08/2023	05/11/2023	12T
139.15	15	1140041	POL2013-2023.15			45	Phạm Xuân Thu					7-9, E301			14/08/2023	05/11/2023	12T
24		1080089	Lịch sử Điện ảnh Thế giới và Việt Nam	CLM2058	3	60											
140.1	01	1080089	CLM2058-2023.01			60	Phạm Hải Yến			7-9, E502					14/08/2023	26/11/2023	K7DVK
25		1060105	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới và Việt nam	FAE2093	3	160											
141.1	01	1060105	FAE2093-2023.01			40	Nguyễn Minh Tân	1-4, C21							14/08/2023	05/11/2023	12T 57Tiet
142.2	02	1060105	FAE2093-2023.02			40	Đào Thị Thuý Anh				1-4, C21				14/08/2023	05/11/2023	
143.3	03	1060105	FAE2093-2023.03			40	Nguyễn Minh Tân			1-4, C21					14/08/2023	05/11/2023	
144.4	04	1060105	FAE2093-2023.04			40	Nguyễn Minh Tân		7-10, C21						14/08/2023	05/11/2023	
26		1080004	Lịch sử văn học Việt Nam và Thế giới	CLM2089	2	60											
145.1	01	1080004	CLM2089-2023.01			60	Ngô Thị Hòa Bình	10-12, E503							14/08/2023	22/10/2023	K7DVK
27		1080184	Marketing du lịch	CLM2108	3	60											
146.1	01	1080184	CLM2108-2023.01			60	Nguyễn Thị Thùy Linh		1-3, E501						14/08/2023	03/12/2023	K2DL
28		1080188	Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam	CLM2112	2	60											
147.1	01	1080188	CLM2112-2023.01			60	Nguyễn Đức Hoàng	1-3, E501							14/08/2023	12/11/2023	K2DL
29		1080027	Nghệ thuật thực hành	CLM2024	4	60											
148.1	01	1080027	CLM2024-2023.01			15	Nguyễn Đức Hoàng	7-10, E502		7-10, E307					14/08/2023	19/11/2023	K15QLVH
149.2	02	1080027	CLM2024-2023.02			15	Lý Minh Huệ	7-10, E307	7-10, E307						14/08/2023	19/11/2023	K15QLVH
150.3	03	1080027	CLM2024-2023.03			15	Nguyễn Đức Hoàng					7-10, E501	7-10, E501		14/08/2023	19/11/2023	K15QLVH
151.4	04	1080027	CLM2024-2023.04			15	Phạm Ngọc Thùy	7-10, NA501	7-10, NA501						14/08/2023	19/11/2023	K15QLVH
30		1170060	Nguyên lý thị giác	GRD2054	3	180											
152.1	01	1170060	GRD2054-2023.01			45	Nguyễn Thành Sơn	1-4, E601							14/08/2023	22/10/2023	
153.2	02	1170060	GRD2054-2023.02			45	Nguyễn Thành Sơn		1-4, E601						14/08/2023	22/10/2023	
154.3	03	1170060	GRD2054-2023.03			45	Nguyễn Thành Sơn				1-4, E601				14/08/2023	22/10/2023	
155.4	04	1170060	GRD2054-2023.04			45	Nguyễn Thành Sơn					1-4, E601			14/08/2023	22/10/2023	
31		1080006	Nhân học văn hóa	CLM2002	2	70											

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú
156.1	01	1080006	CLM2002-2023.01			70	Nguyễn Đức Hoàng				7-9, E502				14/08/2023	19/11/2023	K15QLVH
32		1140019	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	PPE2008	2	240											
157.1	01	1140019	PPE2008-2023.01			60	Đỗ Ánh Tuyết		7-9, E507						14/08/2023	12/11/2023	13T
158.2	02	1140019	PPE2008-2023.02			60	Đỗ Ánh Tuyết		10-12, E507						14/08/2023	12/11/2023	13T
159.3	03	1140019	PPE2008-2023.03			60	Nguyễn Quỳnh Trang			1-3, E507					14/08/2023	12/11/2023	13T
160.4	04	1140019	PPE2008-2023.04			60	Nguyễn Quỳnh Trang			4-6, E507					14/08/2023	12/11/2023	13T
33		1190061	Piano CN 3.1 (M)	PIA2005	2												
161.1	01	1190061	PIA2005-2023.01			0	Đình Công Hải	1-5, D			1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	
162.2	02	1190061	PIA2005-2023.02			0	Lê Nam		7-11, D		7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	
163.3	03	1190061	PIA2005-2023.03			0	Lại Thị Phương Thảo	7-11, D			7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	
164.4	04	1190061	PIA2005-2023.04			0	Nghiêm Thị Hà Ngân	7-11, D		7-11, D					14/08/2023	19/11/2023	
165.5	05	1190061	PIA2005-2023.05			0	Phạm Hoàng Lê		1-5, D		1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	
166.6	06	1190061	PIA2005-2023.06			0	Đoàn Lê Phan Anh		1-5, D		1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	
167.7	07	1190061	PIA2005-2023.07			0	Nguyễn Thị Hiền Anh			1-5, D		1-5, D			14/08/2023	19/11/2023	
168.8	08	1190061	PIA2005-2023.08			0	Nguyễn Hương Giang		1-5, D		1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	
169.9	09	1190061	PIA2005-2023.09			0									14/08/2023	19/11/2023	
170.10	10	1190061	PIA2005-2023.10			0	Nguyễn Kiều Anh		1-5, D			7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
171.11	11	1190061	PIA2005-2023.11			0									14/08/2023	19/11/2023	
172.12	12	1190061	PIA2005-2023.12			0	Hà Cẩm Vân		7-11, D			7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
34		1080142	Quản lý di sản văn hóa	CLM2093	3	70											
173.1	01	1080142	CLM2093-2023.01			70	Vũ Thị Thái Hoa					4-6, E502			14/08/2023	17/12/2023	K15QLVH
35		1080024	Quản lý văn hóa du lịch	CLM2021	2	70											
174.1	01	1080024	CLM2021-2023.01			70	Nguyễn Thị Thanh Loan						4-6, E503		14/08/2023	19/11/2023	K15QLVH
36		1170050	Sáng tác thiết kế 5	GRD2045	3	126											
175.1	01	1170050	GRD2045-2023.01			14	Nguyễn Văn Hiến	1-4, E602	1-4, E602						14/08/2023	10/12/2023	
176.2	02	1170050	GRD2045-2023.02			14	Ng.Hoài Phương Anh	1-4, E602	1-4, E602						14/08/2023	10/12/2023	
177.3	03	1170050	GRD2045-2023.03			14	Trần Thanh Nga	1-4, E602	1-4, E602						14/08/2023	10/12/2023	
178.4	04	1170050	GRD2045-2023.04			14	Nguyễn Thị Hải Yến	1-4, E602	1-4, E602						21/08/2023	10/12/2023	
179.5	05	1170050	GRD2045-2023.05			14	Nguyễn Văn Hiến	1-4, E602	1-4, E602						21/08/2023	10/12/2023	
180.6	06	1170050	GRD2045-2023.06			14	Ng.Hoài Phương Anh	1-4, E602	1-4, E602						21/08/2023	10/12/2023	
181.7	07	1170050	GRD2045-2023.07			14	Phạm Phương Linh				1-4, E602	1-4, E602			21/08/2023	10/12/2023	
182.8	08	1170050	GRD2045-2023.08			14	Vũ Minh Hoàng				1-4, E602	1-4, E602			21/08/2023	10/12/2023	
183.9	09	1170050	GRD2045-2023.09			14	Lò Mai Trang				1-4, E602	1-4, E602			21/08/2023	10/12/2023	
37		1020006	Tạo mẫu trang phục 4	FAD2027	3	84											
184.1	01	1020006	FAD2027-2023.01			14	Hoàng Thị Oanh	1-4, E							21/08/2023	26/11/2023	
185.2	02	1020006	FAD2027-2023.02			14	Ng.Thị Bích Liên	1-4, E							21/08/2023	26/11/2023	
186.3	03	1020006	FAD2027-2023.03			14	Lê Nguyễn Kiều Trang	1-4, E							21/08/2023	26/11/2023	
187.4	04	1020006	FAD2027-2023.04			14	Hoàng Thị Oanh					1-4, E			21/08/2023	26/11/2023	
188.5	05	1020006	FAD2027-2023.05			14	Ng.Thị Bích Liên					1-4, E			21/08/2023	26/11/2023	
189.6	06	1020006	FAD2027-2023.06			14	Lê Nguyễn Kiều Trang					1-4, E			21/08/2023	26/11/2023	
38		1100071	Thanh nhạc 3 A	VMU2018*	0												
190.1	01	1100071	VMU2018*-2023.01			0	Nguyễn Chí Công				7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	x
191.2	02	1100071	VMU2018*-2023.02			0	Đàm Minh Hưng		7-11, D						14/08/2023	19/11/2023	x
192.3	03	1100071	VMU2018*-2023.03			0	Đào Thị Khánh Chi		7-11, D						14/08/2023	19/11/2023	x
193.4	04	1100071	VMU2018*-2023.04			0	Nguyễn Thị Huyền				1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	x
194.5	05	1100071	VMU2018*-2023.05			0	Đặng Thị Lan				1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	x
195.6	06	1100071	VMU2018*-2023.06			0	Đào Tiến Lợi		7-11, D						14/08/2023	19/11/2023	x
196.7	07	1100071	VMU2018*-2023.07			0	Bùi Thanh Tuyền		7-11, D						14/08/2023	19/11/2023	x

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú
197.8	08	1100071	VMU2018*-2023.08			0	Trần Thị Thảo				7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	x
198.9	09	1100071	VMU2018*-2023.09			0	Phạm Bích Ngọc	1-5, D							14/08/2023	19/11/2023	x
199.10	10	1100071	VMU2018*-2023.10			0	Nguyễn Thu Hằng	1-5, D							14/08/2023	19/11/2023	x
200.11	11	1100071	VMU2018*-2023.11			0	Ngô Quốc Khánh	1-5, D							14/08/2023	19/11/2023	x
201.12	12	1100071	VMU2018*-2023.12			0	Trần Thị Thảo				1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	x
202.13	13	1100071	VMU2018*-2023.13			0	Vũ Thị Tươi		7-11, D						14/08/2023	19/11/2023	x
203.14	14	1100071	VMU2018*-2023.14			0	Nguyễn Thu Hằng				7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	x
204.15	15	1100071	VMU2018*-2023.15			0	Ngô Quốc Khánh				1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	x
205.16	16	1100071	VMU2018*-2023.16			0	Phạm Thị Thu Trang				1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	x
206.17	17	1100071	VMU2018*-2023.17			0	Nguyễn Phương Thảo	1-5, D							14/08/2023	19/11/2023	x
207.18	18	1100071	VMU2018*-2023.18			0	Nguyễn Thúy Hà				1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	x
208.19	19	1100071	VMU2018*-2023.19			0	Đào Tiến Lợi	1-5, D							14/08/2023	19/11/2023	x
209.20	20	1100071	VMU2018*-2023.20			0	Nguyễn Thanh Duyên				7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	x
210.21	21	1100071	VMU2018*-2023.21			0	Hoàng Quốc Tuấn				7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	x
211.22	22	1100071	VMU2018*-2023.22			0	Nguyễn Thị Huyền				7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	x
212.23	23	1100071	VMU2018*-2023.23			0	Bùi Thanh Tuyền	1-5, D							14/08/2023	19/11/2023	x
213.24	24	1100071	VMU2018*-2023.24			0	Nguyễn Thanh Duyên		7-11, D						14/08/2023	19/11/2023	x
214.25	25	1100071	VMU2018*-2023.25			0	Phạm Thị Thu Trang				7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	x
215.26	27	1100071	VMU2018*-2023.27			0	Nguyễn Thúy Hà				7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	x
216.27	28	1100071	VMU2018*-2023.28			0	Ngân Thị Thương				7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	x
217.28	29	1100071	VMU2018*-2023.29			0	Trần Tân Phương	1-5, D							14/08/2023	19/11/2023	x
218.29	30	1100071	VMU2018*-2023.30			0	Hà Thị Lý	1-5, D							14/08/2023	19/11/2023	x
219.30	31	1100071	VMU2018*-2023.31			0	Trần Thị Thảo							13-17, D	14/08/2023	19/11/2023	
39		1100052	Thanh nhạc 3.1	VMU2006	1												
220.1	01	1100052	VMU2006-2023.01			0	Đỗ Hương Giang	7-11, D		7-11, D					14/08/2023	19/11/2023	
221.2	02	1100052	VMU2006-2023.02			0	Đặng Thị Loan			7-11, D		7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
222.3	03	1100052	VMU2006-2023.03			0	Viên Thị Hường		1-5, D		1-5, D				14/08/2023	19/11/2023	
223.4	04	1100052	VMU2006-2023.04			0	Giáp Văn Thịnh		7-11, D				7-11, D		14/08/2023	19/11/2023	
224.5	05	1100052	VMU2006-2023.05			0	Đoàn Thúy Trang	1-5, D				1-5, D			14/08/2023	19/11/2023	
225.6	06	1100052	VMU2006-2023.06			0	Lê Thị Tình	1-5, D		1-5, D					14/08/2023	19/11/2023	
226.7	08	1100052	VMU2006-2023.08			0	Nguyễn Mai Hương			7-11, D		7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
227.8	09	1100052	VMU2006-2023.09			0	Lê Thị Út				1-5, D	1-5, D			14/08/2023	19/11/2023	
228.9	10	1100052	VMU2006-2023.10			0	Trần Thị Thanh Quý			7-11, D		7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
229.10	11	1100052	VMU2006-2023.11			0	Đàm Minh Hưng			7-11, D		7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
230.11	12	1100052	VMU2006-2023.12			0	Hoàng Quốc Tuấn		7-11, D		7-11, D				14/08/2023	19/11/2023	
231.12	13	1100052	VMU2006-2023.13			0	Đào Tiến Lợi		7-11, D			1-5, D			14/08/2023	19/11/2023	
232.13	14	1100052	VMU2006-2023.14			0	Bùi Thanh Tuyền			1-5, D		1-5, D			14/08/2023	19/11/2023	
233.14	15	1100052	VMU2006-2023.15			0	Ngô Quốc Khánh		7-11, D			7-11, D			14/08/2023	19/11/2023	
234.15	16	1100052	VMU2006-2023.16			0	Tạ Thị Định	7-11, D		1-5, D					14/08/2023	19/11/2023	
235.16	17	1100052	VMU2006-2023.17			0	Lê Thị Út				1-5, D	1-5, D			14/08/2023	19/11/2023	
236.17	18	1100052	VMU2006-2023.18			0	Trần Mai Tuyết			7-11, D		1-5, D			14/08/2023	19/11/2023	
237.18	19	1100052	VMU2006-2023.19			0	Trịnh Thị Oanh	1-5, D		1-5, D					14/08/2023	19/11/2023	
238.19	20	1100052	VMU2006-2023.20			0	Chu Thị Hoài Phương			7-11, D			7-11, D		14/08/2023	19/11/2023	
239.20	21	1100052	VMU2006-2023.21			0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-5, D				1-5, D			14/08/2023	19/11/2023	
40		1080185	Thanh toán quốc tế trong du lịch	CLM2109	2	60											
240.1	01	1080185	CLM2109-2023.01			60	Nguyễn Hương Quỳnh		7-9, E502						14/08/2023	22/10/2023	K2DL
41		1200024	Thực hành công nghệ may 3	DGI2024	3	10											
241.1	01	1200024	DGI2024-2023.01			10	Nguyễn Kiều Oanh				1-4, C				21/08/2023	26/11/2023	

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú
42		1080242	Thực hành công tác xã hội nhóm	CLM2221	3	15											
242.1	01	1080242	CLM2221-2023.01			15	Nguyễn Thị Phương Thanh						1-5, PTH:7-11, PTH		14/08/2023	26/11/2023	K2CTXH
43		1080212	Thực hành nghệ thuật trong du lịch (Khiêu vũ - Múa)	CLM2136	3	60											
243.1	01	1080212	CLM2136-2023.01			60	Phạm Ngọc Thùy			1-4, NA501					14/08/2023	03/12/2023	K2DL
44		1200030	Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 3	DGI2030	3	10											
244.1	01	1200030	DGI2030-2023.01			10	Nguyễn Bích Nhung					7-10, C			21/08/2023	26/11/2023	
45		1080113	Thực tập nghề nghiệp	CLM2075	3	60											
245.1	01	1080113	CLM2075-2023.01			60	Ng.Thuý Hường							7-11, TTNN	11/12/2023	31/12/2023	K7DVK
46		1020015	Thực tế chuyên môn 2	FAD2047	2	80											
246.1	01	1020015	FAD2047-2023.01			20	Hoàng Thị Oanh							1-5, TTCN2	31/07/2023		
247.2	02	1020015	FAD2047-2023.02			30	Ng.Thị Bích Liên							1-5, TTCN2	31/07/2023		
248.3	03	1020015	FAD2047-2023.03			30	Lê Phương Anh							1-5, TTCN2	31/07/2023		
47		1040004	Tiếng Anh chuyên ngành (MT)	CFL2003	2	150											
249.1	05	1040004	CFL2003-2023.05			50					1-3, E405				14/08/2023	22/10/2023	K16MT
250.2	06	1040004	CFL2003-2023.06			50					4-6, E405				14/08/2023	22/10/2023	K16MT
251.3	07	1040004	CFL2003-2023.07			50				7-9, E405					14/08/2023	22/10/2023	K16MT
48		1080191	Tiếng Trung	CLM2115	4	60											
252.1	01	1080191	CLM2115-2023.01			60	Nguyễn Tuấn Vũ			7-10, E501					14/08/2023	26/11/2023	K2DL
49		1020035	Tin học chuyên ngành	FAD2056	2	84											
253.1	01	1020035	FAD2056-2023.01			14	Hoàng Thắng	1-4, E402							21/08/2023	29/10/2023	
254.2	02	1020035	FAD2056-2023.02			14	Nguyễn Hoàng Tùng	1-4, E402							21/08/2023	29/10/2023	
255.3	03	1020035	FAD2056-2023.03			14	Bùi Thị Nam	1-4, E402							21/08/2023	29/10/2023	
256.4	04	1020035	FAD2056-2023.04			14	Hoàng Thắng				1-4, E402				21/08/2023	29/10/2023	
257.5	05	1020035	FAD2056-2023.05			14	Nguyễn Hải Hà				1-4, E402				21/08/2023	29/10/2023	
258.6	06	1020035	FAD2056-2023.06			14	Bùi Thị Nam				1-4, E402				21/08/2023	29/10/2023	
50		1200026	Tin học chuyên ngành 1	DGI2026	2	20											
259.1	01	1200026	DGI2026-2023.01			20	Bùi Thị Nam					1-4, E402			25/09/2023	03/12/2023	K5CNM
51		1170026	Tin học chuyên ngành 2	GRD2021	3	144											
260.1	01	1170026	GRD2021-2023.01			16	Lê Huy Thục	1-4, E406		1-4, E406					14/08/2023	22/10/2023	
261.2	02	1170026	GRD2021-2023.02			16	Nguyễn Xuân Giáp	1-4, E406		1-4, E406					14/08/2023	22/10/2023	
262.3	03	1170026	GRD2021-2023.03			16	Nguyễn Duy Hùng	1-4, E406		1-4, E406					14/08/2023	22/10/2023	
263.4	04	1170026	GRD2021-2023.04			16	Tổng Việt Anh	1-4, E406		1-4, E406					14/08/2023	22/10/2023	
264.5	05	1170026	GRD2021-2023.05			16	Lê Huy Thục	7-10, E406		7-10, E406					14/08/2023	22/10/2023	
265.6	06	1170026	GRD2021-2023.06			16	Lê Huy Thục				1-4, E406		1-4, E406		14/08/2023	22/10/2023	
266.7	07	1170026	GRD2021-2023.07			16	Nguyễn Xuân Giáp				1-4, E406		1-4, E406		14/08/2023	22/10/2023	
267.8	08	1170026	GRD2021-2023.08			16	Nguyễn Duy Hùng				1-4, E406		1-4, E406		14/08/2023	22/10/2023	
268.9	09	1170026	GRD2021-2023.09			16	Tổng Việt Anh				1-4, E406		1-4, E406		14/08/2023	22/10/2023	
52		1040002	Tin học cơ bản	INF2001	2	240											
269.1	01	1040002	INF2001-2023.01			40	Vũ Việt Hoàng						1-3, E401		14/08/2023	12/11/2023	13T
270.2	02	1040002	INF2001-2023.02			40	Vũ Việt Hoàng						4-6, E401		14/08/2023	12/11/2023	13T
271.3	03	1040002	INF2001-2023.03			40	Vũ Việt Hoàng						7-9, E401		14/08/2023	12/11/2023	13T
272.4	04	1040002	INF2001-2023.04			40	Vũ Việt Hoàng						10-12, E401		14/08/2023	12/11/2023	13T
273.5	05	1040002	INF2001-2023.05			40	Vũ Việt Hoàng	1-3, E401							14/08/2023	12/11/2023	13T
274.6	06	1040002	INF2001-2023.06			40	Vũ Việt Hoàng	4-6, E401							14/08/2023	12/11/2023	13T
53		1080256	Tổ chức và quản lý dự án văn hóa - nghệ thuật trong công tác xã hội	CLM2235	3	15											
275.1	01	1080256	CLM2235-2023.01			15	Nguyễn Thị Phương Thanh			4-6, E503					14/08/2023	26/11/2023	K2CTXH
54		1060103	Trải nghiệm hoạt động Mỹ thuật	FAE2097	2	160											
276.1	01	1060103	FAE2097-2023.01			40	Đào Thị Thuý Anh	1-4, E506							14/08/2023	05/11/2023	12T 50 T

TT	Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú
277.2	02	1060103	FAE2097-2023.02			40	Trần Thị Vân		1-4, E506						14/08/2023	05/11/2023	
278.3	03	1060103	FAE2097-2023.03			40	Trần Thị Vân	7-10, E506							14/08/2023	05/11/2023	
279.4	04	1060103	FAE2097-2023.04			40	Đào Thị Thuý Anh			1-4, E506					14/08/2023	05/11/2023	
55		1020018	Trang trí chuyên ngành 2	FAD2023	2	98											
280.1	01	1020018	FAD2023-2023.01			14	Ngô Văn Sơn	9-10, A	9-10, A						04/09/2023	10/12/2023	
281.2	02	1020018	FAD2023-2023.02			14	Lê Thị Lan	9-10, A	9-10, A						04/09/2023	10/12/2023	
282.3	03	1020018	FAD2023-2023.03			14	Ngô Thị Thu Hà	9-10, A	9-10, A						04/09/2023	10/12/2023	
283.4	04	1020018	FAD2023-2023.04			14	Lê Mai Trinh	9-10, A	9-10, A						04/09/2023	10/12/2023	
284.5	05	1020018	FAD2023-2023.05			14	Trương Tuấn Anh				9-10, A	9-10, A			04/09/2023	10/12/2023	
285.6	06	1020018	FAD2023-2023.06			14	Ngô Thị Thu Hà				9-10, A	9-10, A			04/09/2023	10/12/2023	
286.7	07	1020018	FAD2023-2023.07			14	Lê Thị Lan				9-10, A	9-10, A			04/09/2023	10/12/2023	
56		1170063	Vẽ kỹ thuật - đặc biểu kiến trúc	GRD2002**	2	180											
287.1	01	1170063	GRD2002**-2023.01			20	Nguyễn Hải Kiên			1-4, E602					14/08/2023	22/10/2023	
288.2	02	1170063	GRD2002**-2023.02			20	Quách Thị Ngọc An			1-4, E602					14/08/2023	22/10/2023	
289.3	03	1170063	GRD2002**-2023.03			20	Nguyễn Thành Sơn			1-4, E602					14/08/2023	22/10/2023	
290.4	04	1170063	GRD2002**-2023.04			20	Vũ Xuân Hiền			1-4, E602					14/08/2023	22/10/2023	
291.5	05	1170063	GRD2002**-2023.05			20	Lê Đức Tùng			7-10, E602					14/08/2023	22/10/2023	
292.6	06	1170063	GRD2002**-2023.06			20	Nguyễn Thành Sơn			7-10, E602					14/08/2023	22/10/2023	
293.7	07	1170063	GRD2002**-2023.07			20	Quách Thị Ngọc An			7-10, E602					14/08/2023	22/10/2023	
294.8	08	1170063	GRD2002**-2023.08			20	Nguyễn Hồng Sơn			7-10, E602					14/08/2023	22/10/2023	
295.9	09	1170063	GRD2002**-2023.09			20	Vũ Xuân Hiền			7-10, E602					14/08/2023	22/10/2023	

Người lập